

## **BÁO CÁO**

### **Trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII**

Thực hiện Công văn số 365/CV-HĐND, ngày 28/6/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chuẩn bị nội dung trả lời chất vấn trực tiếp tại Kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, trong đó chất vấn Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT với nội dung:

*“ Nhiều năm gần đây thường xuyên xảy ra tình trạng một số loại nông sản sản xuất ra nhưng không tiêu thụ được, phải giải cứu. Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết thực trạng, nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp tỉnh ta trong những năm tới để giải quyết được tình trạng nêu trên ”*

Sở Nông nghiệp và PTNT xin báo cáo trả lời như sau:

Giai đoạn 2016- 2018, sản xuất nông nghiệp gặp phải khó khăn do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên cây trồng, vật nuôi tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong bối cảnh đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp đề ra nên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển, xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả. Trong 05 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đến thời điểm hiện nay so với kế hoạch có những chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, có những chỉ tiêu chưa đạt, cụ thể: Tốc độ tăng trưởng (GRDP) ngành nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2016- 2018 ước đạt 2,4%/năm/2,9% mục tiêu; sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt ước đạt 1,682 triệu tấn; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 ước đạt 49,39% (mục tiêu đạt 50% trở lên); tỷ lệ che phủ rừng năm 2018 ước đạt 53,03% (mục tiêu 52,5%); tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2018 ước đạt 93% (mục tiêu đạt 95% trở lên). Đặc biệt cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản có những chuyển biến tích cực: Nông nghiệp giảm từ 76,4% năm 2015 xuống 73,8% năm 2017, ước 72,0% năm 2018; lâm nghiệp tăng từ 5,7% năm 2015 lên 6,8% năm 2017, ước 7,5% năm 2018; thủy sản tăng từ 17,9% năm 2015 lên 19,4% năm 2017, ước 20,5% năm 2018.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, sản xuất nông nghiệp của tỉnh ta vẫn còn có những tồn tại hạn chế do chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu, quy mô sản xuất phân tán nhỏ lẻ; năng suất, chất lượng một số loại nông sản còn thấp; công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến còn chậm phát triển; từ đó dẫn tới có những thời điểm một số loại hàng hóa nông sản của tỉnh ta gặp khó khăn, rớt giá, không có thị trường tiêu thụ, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và thu nhập của nông dân.

## **I. Thực trạng sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ nông sản chính của tỉnh từ năm 2016-2018**

### **1. Lĩnh vực trồng trọt**

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh hiện nay là 249.122 ha, trong đó: đất trồng cây hàng năm 205.683 ha, đất trồng cây lâu năm 43.439 ha. Diện tích gieo trồng hàng năm đạt 440 nghìn ha; tập trung các cây trồng chủ lực sau:

Cây lúa: Diện tích gieo trồng hàng năm từ 250.000-252.000ha/năm, sản lượng lúa đạt từ 1,45- 1,48 triệu tấn; Trong đó sử dụng làm lương thực tiêu thụ nội tỉnh khoảng 850 nghìn tấn, sử dụng làm giống khoảng 11 nghìn tấn, sử dụng làm thức ăn chăn nuôi khoảng 200 nghìn tấn; số lượng còn lại được mua bán, trao đổi trên thị trường tự do, (Công ty lương thực Miền Bắc, chi nhánh Thanh Hóa hàng năm tiêu thụ khoảng 20 nghìn tấn, Cục Dự trữ quốc gia khoảng 18 nghìn tấn; còn lại do các doanh nghiệp, tư thương của Thanh Hóa thu mua, chế biến đưa đi tiêu thụ tại các tỉnh ngoài và nước ngoài).

Cây ngô: Diện tích gieo trồng đạt từ 48.000-53.000 ha, sản lượng ngô hàng năm từ 216 – 234 nghìn tấn. Sản lượng ngô của Thanh Hóa chủ yếu được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi nông hộ, ít mua bán, trao đổi; hiện nay các công ty thức ăn chăn nuôi của Thanh Hóa vẫn đang phải nhập nguyên liệu ngô ngoài tỉnh (khoảng 200 nghìn tấn/năm).

Cây mía: Diện tích trồng mía nguyên liệu đến nay đạt 25.976 ha, sản lượng mía đạt 1,56 triệu tấn mới chỉ đủ đáp ứng khoảng 70,1% nhu cầu nguyên liệu của các nhà máy đường trong tỉnh. Trong thời gian vừa qua sản xuất mía đường gặp nhiều khó khăn do giá đường thế giới tụt giảm kéo dài.

Cây rau quả thực phẩm: Tổng diện tích gieo trồng đạt 39.800 ha; sản lượng rau quả hàng năm gần 500 nghìn tấn. Sản lượng rau của Thanh Hóa chủ yếu được tiêu thụ nội tỉnh; một phần được chế biến, tiêu thụ ngoài tỉnh và xuất khẩu thông qua hợp đồng liên kết và bao tiêu sản phẩm trong đó chủ yếu là: ớt khoảng 1.800-1.900 ha/năm (sản lượng khoảng 22,5 nghìn tấn), khoai tây khoảng gần 1.000 ha/năm (sản lượng khoảng 25 nghìn tấn), ngô ngọt khoảng 450ha/năm (sản lượng khoảng 2,7 nghìn tấn), dưa bao tử, dưa chuột xuất khẩu 450 ha/năm (sản lượng khoảng 5,4 nghìn tấn) và một số sản phẩm khác như đậu tương rau, cải bó xôi, bí xanh, bí đỏ hồ lô... ; tuy nhiên, trong một số thời điểm, một số sản phẩm rau quả bị rớt giá, dư thừa sản phẩm khó tiêu thụ gây ảnh hưởng đến tâm lý và hiệu quả kinh tế của các hộ nông dân.

Cây ăn quả: Tính đến hết năm 2017 tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đạt 18.581,6ha (có khoảng 4.000 ha tập trung), tăng hơn so với năm 2015 là 4.553,4ha; diện tích cho thu hoạch 13.181,8ha, sản lượng 223.142,9 tấn (nhu cầu sử dụng khoảng 400.000 tấn/năm). Tuy nhiên, thị trường tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả chưa ổn định, bền vững, chủ yếu tiêu thụ trong tỉnh và một phần ở ngoài tỉnh theo hình thức bán tự do, các đại lý, các quầy bán lẻ thông qua thương lái, chưa có nhiều chuỗi liên doanh, liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp, giữa người sản

xuất với nhau, từ đó dẫn đến một số thời điểm sản phẩm cây ăn quả tỉnh ta bị rớt giá, sản lượng dư thừa, khó tiêu thụ.

## **2. Lĩnh vực chăn nuôi**

Từ năm 2016 đến nay, cơ cấu đàn vật nuôi của tỉnh có sự chuyển dịch mạnh từ chăn nuôi truyền thống, tự phát sang các đối tượng nuôi tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao. Tính đến tháng 6 năm 2018: đàn trâu đạt 181, 8 nghìn con, giảm 19.863 con so năm 2016, đàn bò đạt 237,8 nghìn con (đàn bò sữa tăng trên 3.000 con, bò thịt tăng trên 11.000 con), đàn lợn đạt 717, 3 nghìn con, đàn gia cầm đạt 16.8 nghìn con; sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 108.5 nghìn tấn, trong đó thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 6.266 tấn, thịt bò hơi xuất chuồng đạt 8.224 tấn, thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 61,45 nghìn tấn, thịt gia cầm giết bán 26,9 nghìn tấn; sữa tươi 6.844 tấn; sản lượng trứng gia cầm 63 triệu quả.

Đối với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: ngoài sản phẩm thịt trâu, thịt bò, trứng, sữa được tiêu thụ với số lượng ổn định, thì 2 sản phẩm chính được tiêu thụ lớn là thịt lợn và thịt gia cầm, trong đó tổng đàn lợn thịt xuất bán, tiêu thụ hàng năm ước đạt 2,3 triệu con, tương đương 137.280 tấn thịt lợn hơi xuất chuồng, trong đó tiêu thụ nội địa khoảng 82% (thông qua 4 cơ sở giết mổ tập trung và 2.584 điểm giết mổ nhỏ lẻ), xuất khẩu 18% (qua 2 cơ sở giết mổ tập trung và các thương lái thu mua); tổng đàn gia cầm xuất bán, tiêu thụ hàng năm ước đạt 20 triệu con, trong đó đàn gà thịt ước đạt 13,5 triệu con, tương đương 21.600 tấn; trong đó tỷ lệ thịt gà tiêu thụ nội địa khoảng 85%, xuất khẩu 15%. Trong năm 2017 xảy ra hiện tượng giá lợn thịt hơi bị rớt giá do ảnh hưởng chung của thị trường tiêu thụ.

## **3. Lĩnh vực thủy sản**

Từ năm 2016 đến năm 2018, diện tích nuôi cơ bản ổn định, sản lượng, năng suất đạt khá. Cụ thể: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 19.300ha, tổng sản lượng đạt 25.600 tấn trong đó: Nước ngọt: Diện tích nuôi 11.600ha, sản lượng 14.600 tấn. Nuôi mặn, lợ: Diện tích 7.700ha, sản lượng đạt 11.000 tấn.

Về tiêu thụ sản phẩm thủy sản: Do chưa có nhiều chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ nên hình thức tiêu thụ chủ yếu là người sản xuất bán cho các đại lý thu mua theo mối quan hệ bạn hàng, một số ít bán trực tiếp cho các nhà hàng, chợ đầu mối, người tiêu dùng. Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở dạng tươi sống, giá cả mua bán được biến động linh hoạt theo cơ chế thị trường và chủ yếu phục vụ thị trường trong nước, ngoài ra một số sản phẩm được xuất khẩu ở dạng sơ chế sang thị trường Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc gồm có Ngao, tôm. Các sản phẩm thủy sản của tỉnh được tiêu thụ tốt, không có hiện tượng dư thừa.

## **II. Thực trạng một số loại nông sản sản xuất ra nhưng giá tiêu thụ thấp hoặc không tiêu thụ được**

### **1. Thực trạng rớt giá, dư thừa nông sản trên địa bàn tỉnh từ 2016- 2018**

Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, nhiều địa phương cả nước đã xảy ra tình trạng một số loại nông sản xuất ra nhưng không bán được hoặc bị rớt giá. Trên địa bàn tỉnh tại một số thời điểm cũng đã xảy ra tình trạng này trên một số loại nông sản, cụ thể là:

Đầu năm 2016 ớt bị rớt giá: tại thời điểm này diện tích thu hoạch khoảng hơn 300 ha, tập trung tại các huyện Yên Định, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Thành phố Thanh Hóa, Vĩnh Lộc...; giá xuống thấp nhất là 2.000 đồng/kg và kéo dài khoảng 1 tháng (tương đương 3 lần thu hoạch ớt, sản lượng bị rớt giá khoảng 360 tấn), tuy vậy

sau thời điểm này giá ớt tăng, các hộ nông dân đã đầu tư chăm sóc và thu hoạch nên ảnh hưởng ít đến lợi nhuận và thu nhập của nông dân.

Cuối năm 2017 sang đầu năm 2018, khoai tây bị rớt giá: Diện tích khoai tây thời điểm này là 428 ha, sản lượng ước đạt 4.900 tấn, diện tích khoai tây này được Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Nông nghiệp Quốc tế An Việt (Hà Nội) đầu tư liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm cho nông dân với mức giá ký hợp đồng thu mua ban đầu là 6.500 đồng/kg, tuy nhiên do ảnh hưởng của thị trường, giá khoai tây xuống từ 4500- 4.700 đ/kg, buộc công ty phải điều chỉnh giảm giá; gây ảnh hưởng đến thu nhập và lợi nhuận của nông dân.

Từ tháng 5/2018, dứa bị rớt giá và dư thừa: Diện tích dứa toàn tỉnh những năm trước đây khoảng 1.992- 2.100 ha phù hợp với quy hoạch và kế hoạch, tuy nhiên, do năm 2016 và 2017 giá dứa lên cao ( 8.000- 10.000đ/kg) nên năm 2018 nhân dân đã tự phát mở rộng diện tích lên trên 3.700 ha (diện tích mở rộng chủ yếu trên đất đồi thấp trước đây trồng mía, ngô, sắn, trồng xen trong vườn cây ăn quả chưa khép tán, trồng xen trong vườn cao su), nông dân tập trung điều khiển cho dứa chín vào chính vụ làm cho sản lượng tăng đột biến so với những năm trước đây, làm cho giá dứa giảm sâu xuống còn từ 1.500 - 2.000 đ/kg, tiêu thụ gặp khó khăn do cung vượt cầu.

Sản xuất mía từ năm 2014 đến nay gặp nhiều khó khăn do giá đường trên thị trường thế giới tụt giảm, trong khi năng suất của mía tại Thanh Hóa còn thấp (hiện nay mới đạt bình quân 60,1 tấn/ha), tuy UBND tỉnh đã chỉ đạo các công ty thu mua mía nguyên liệu cho nông dân với mức giá tốt nhất (trung bình 950đ/kg mía sách có 10CCS), song so với những cây trồng khác hiệu quả vẫn chưa cao, ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân.

Sản xuất cao su từ năm 2014 đến nay gặp khó khăn do giá cao su giảm sâu, có thời điểm xuống còn 15.000 đồng/kg, do vậy UBND tỉnh đã chỉ đạo chưa mở rộng diện tích, tập trung chăm sóc, khai thác diện tích cao su hiện có (14.889 ha)

Thịt lợn hơi năm 2017: do ảnh hưởng của việc rớt giá sâu, kéo dài trên cả nước; từ 50.000- 53.000đồng/kg xuống còn 21.000- 28.000 đ/kg (ngưỡng hòa vốn trong chăn nuôi lợn là 36.000đ/kg); các hộ chăn nuôi trong tỉnh không giám xuất bán khi lợn đến tuổi xuất chuồng, phải chi phí tăng thêm trong việc duy trì nuôi dưỡng đàn lợn làm ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi lợn và tâm lý hoang mang, lo ngại của các hộ chăn nuôi; tổng số lượng lợn đến đến tuổi xuất chuồng song phải kéo dài thời gian nuôi dưỡng trong giai đoạn này khoảng gần 1 triệu con, sản lượng gần 60 nghìn tấn.

## **2. Nguyên nhân:**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

Là tỉnh rộng, địa hình phức tạp, nhiều khu vực bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối nên việc đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng gặp nhiều khó khăn, suất đầu tư lớn, hiệu quả đầu tư chưa cao. Tổng diện tích sản xuất, tổng đàn vật nuôi lớn song tính chất sản xuất vẫn phân tán, nhỏ lẻ, bình quân diện tích/hộ thấp, chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ còn chiếm tỷ lệ cao.

Điều kiện thời tiết khí hậu diễn biến phức tạp, thường thì khi thuận lợi về điều kiện thời tiết thì tất cả các loại nông sản đều được mùa, ngược lại khi mất mùa thì lại không có nông sản để tiêu thụ.

Trình độ sản xuất, tập quán canh tác của một số địa phương còn hạn chế, vẫn tự phát sản xuất theo ý thích; vừa không tuân thủ theo định hướng của cơ quan chuyên

môn, vừa hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ, dẫn đến năng suất, sản lượng thấp, chi phí cao, có loại nông sản sản xuất ra trong cùng một thời điểm ở nhiều địa phương khác nhau làm cho khối lượng sản phẩm nhiều, cung vượt quá cầu.

Thị trường tiêu thụ nông sản gặp khó khăn, chưa có thị trường tiêu thụ nông sản một cách ổn định, nhất là đối với nông sản của Thanh Hóa, ngoài tiêu thụ nội địa thì chủ yếu là thị trường xuất khẩu tiểu ngạch sang Trung Quốc do vậy khi bị đóng cửa thị trường này sẽ dẫn đến tình trạng không tiêu thụ được.

## *2.2. Nguyên nhân chủ quan*

Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch, dự báo, định hướng sản xuất từng ngành hàng, từng sản phẩm còn hạn chế, sản xuất còn mang tính tự phát, chưa theo quy hoạch, quy mô không ổn định.

Sản xuất chưa tập trung, chưa có nhiều chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất tạo ra sản phẩm chất lượng cao chưa nhiều; khâu chế biến chưa phát triển, nhiều nông sản vẫn xuất thô; chất lượng, giá trị thấp.

Việc xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông sản của tỉnh chưa nhiều, chưa có thương hiệu quốc gia để thu hút thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu quốc tế và ngoài tỉnh.

Việc xúc tiến kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn của ngành, của các địa phương tuy đã có cố gắng song vẫn còn hạn chế; đến nay số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp khoảng 755 doanh nghiệp, chỉ chiếm 6,7% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh; và phần nhiều là các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ phục vụ sản xuất; số lượng doanh nghiệp tiêu thụ nông sản còn ít (ngoài 3 công ty đường, 3 công ty tinh bột sắn, toàn tỉnh mới có 3 cơ sở thu mua chế biến gạo quy mô trên 10.000 tấn/năm, 4 công ty thu mua rau quả, 1 công ty thu mua chế biến dưa đóng hộp, 1 công ty thu mua chế biến mủ cao su, 2 công ty thu mua chế biến và tiêu thụ lợn sữa, lợn choai); thiếu và yếu về vốn, quy mô nhỏ và thiếu sự liên kết với người dân, chưa gắn kết giữa sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; vai trò của các Hợp tác xã dịch vụ chưa được phát huy trong việc kết nối giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

## *2.3. Những biện pháp đã thực hiện khi nông sản dư thừa hoặc khó tiêu thụ trong thời gian qua:*

Trước hiện tượng rớt giá, khó tiêu thụ một số nông sản trong thời gian qua; Ngành Nông nghiệp và PTNT đã tập trung tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các giải pháp mang cả tính lâu dài và trước mắt, đó là:

Thực hiện quy hoạch, định hướng sản xuất: Giai đoạn 2016 -2018 đã tham mưu và chủ trì xây dựng 15 đề án và 07 quy hoạch. Hiện nay, 07 quy hoạch và 12 đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt, 03 đề án đang được UBND tỉnh xem xét. Thông qua các đề án và quy hoạch sẽ tiếp tục định hướng mục tiêu, giải pháp để phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy mô sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao sức cạnh tranh, tạo thị trường ổn định, thu hút doanh nghiệp đầu tư.

Đẩy mạnh việc xúc tiến doanh nghiệp: Từ 2016 đến nay Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì tổ chức 02 cuộc triển lãm, tổ chức 04 hội nghị xúc tiến doanh nghiệp, kết nối cung cầu, tham gia 03 Hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh với các tỉnh bạn, qua đó đã thu hút hàng chục doanh nghiệp đến tìm hiểu và

ngiên cứu đầu tư; cải cách thủ tục hành chính, tham mưu tạo cơ chế thu hút thông thoáng nhất cho các doanh nghiệp.

Kịp thời nắm bắt, chỉ đạo hướng dẫn các giải pháp khắc phục trước hiện tượng dư thừa, khó tiêu thụ nông sản; báo cáo kịp thời với Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý, tham mưu cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất (chính sách hỗ trợ sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt, cơ chế hỗ trợ vụ đông...); cung cấp tình hình, giới thiệu thị trường, động viên và kêu gọi doanh nghiệp thu mua nông sản hỗ trợ nông dân; hướng dẫn các địa phương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ. Qua đó đã giảm thiểu tối đa thất thiệt cho nhân dân.

### **III. Trách nhiệm của các ngành, các cấp**

#### **1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và PTNT**

Việc triển khai thực hiện các quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển sản xuất chưa thật hiệu quả, nhất là khâu đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện tại một số địa phương, đơn vị.

Việc định hướng quy mô sản xuất cho từng loại nông sản chưa đáp ứng được yêu cầu: chưa sát với thị trường; chưa có sự cân đối, hài hòa về quy mô diện tích cây trồng, tổng đàn vật nuôi, dẫn đến trong cùng thời vụ hoặc thời điểm nhiều địa phương sản xuất cùng loại cây trồng, hoặc cùng một loại con nuôi làm cho sản lượng dư thừa, gây khó khăn cho tiêu thụ.

Việc tiếp nhận, phối hợp với các địa phương chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới theo hướng đồng bộ, công nghệ cao vào sản xuất còn hạn chế, dẫn đến chất lượng một số loại nông sản chưa cao; khâu bảo quản, chế biến sau thu hoạch chưa phát triển, tổn thất sau thu hoạch còn cao, thiếu sản phẩm nông sản có chất lượng cao, chủ yếu ở dạng thô, giá trị thấp.

Việc chủ động phối hợp với các ngành liên quan như Công thương, Khoa học công nghệ..., việc tham gia xúc tiến thương mại với các cơ quan Trung ương chưa đáp ứng được yêu cầu nên chưa tìm kiếm được thị trường tiêu thụ nông sản ổn định, lâu dài; kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế, mới chỉ tập trung được các doanh nghiệp trong chăn nuôi, các doanh nghiệp cung ứng đầu vào sản xuất trồng trọt; lĩnh vực lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản còn khó khăn.

Việc phối hợp, hướng dẫn các địa phương khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, tổ chức sản xuất quy mô lớn, công nghệ cao, xây dựng thương hiệu nông sản Thanh Hóa còn hạn chế.

#### **2. Trách nhiệm của các địa phương:**

Vai trò quản lý nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn chưa được phát huy đầy đủ: chưa cương quyết trong chỉ đạo thực hiện, vẫn còn địa phương để nhân dân sản xuất tự phát, chưa gắn với quy hoạch, định hướng, kế hoạch nên một số loại nông sản dễ bị dư thừa, rớt giá, khó tiêu thụ.

Ngoài nguồn lực của Trung ương và của tỉnh thông qua cơ chế, chính sách hỗ trợ, nhiều địa phương chưa có chính sách hỗ trợ cho sản xuất, nhất là hỗ trợ để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, liên doanh, liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản.

Tính chủ động trong phối hợp để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như ứng dụng giống mới, quy trình kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc, điều khiển thời vụ chưa chặt chẽ, dẫn đến trong cùng thời vụ, nhiều địa phương cùng sản xuất một loại nông sản gây khó khăn cho tiêu thụ và giảm giá.

Việc tiếp cận và triển khai các quy định mới, chính sách mới của Trung ương, của tỉnh trong một bộ phận cán bộ chuyên ngành ở một số địa phương còn yếu, khả năng tiếp cận cơ chế chính sách hạn chế, vừa gây khó khăn trong việc tham mưu triển khai thực hiện, vừa không trở thành cơ quan tư vấn, giúp đỡ các doanh nghiệp, các Hợp tác xã, tổ hợp tác khi có nhu cầu đầu tư.

#### **IV. Những giải pháp giải quyết tình trạng nông sản dư thừa, khó tiêu thụ trong thời gian tới:**

1. Tiếp tục tập trung thực hiện tốt Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 20/4/2015 của BCH Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; thực hiện có hiệu quả chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi tập trung phát triển 07 sản phẩm trồng trọt, 05 sản phẩm chăn nuôi, 04 sản phẩm thủy sản chủ lực và có lợi thế:

Đặc biệt, tập trung triển khai thực hiện các cơ chế chính sách của Trung ương (Nghị định 57/2018/NĐ-CP thay thế nghị định 210/2013/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Nghị định 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, Quyết định 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn...; các cơ chế chính sách của tỉnh (Quyết định 5637/2015/QĐ-UBND về chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng vật nuôi giai đoạn 2016- 2020, Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND về cơ chế chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; các nội dung liên quan của Nghị quyết 81/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020); đồng thời, các địa phương tiếp tục nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách bổ sung khuyến khích phát triển sản xuất, thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

2. Tham mưu cho tỉnh hoàn thiện cập nhật quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội trong đó có nội dung về nông nghiệp (do BCG tư vấn); hoàn chỉnh, trình phê duyệt các đề án được giao, nhất là đề án tích tụ tập trung đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; từ đó phân giao kế hoạch cụ thể về quy mô từng đối tượng, cây trồng, vật nuôi đến từng địa phương để thực hiện theo hướng gắn kết vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản.

3. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát có hiệu quả việc thực hiện các đề án phát triển vùng nguyên liệu như mía, gai, sắn, chăn nuôi lợn, gia cầm và định hướng kế hoạch các đối tượng cây trồng, vật nuôi như cây ăn quả (dứa, cây có múi), các loại rau quả thực phẩm; hạn chế tình trạng sản xuất không theo quy hoạch, kế hoạch và nhu cầu thị trường làm cho tăng diện tích, tăng sản lượng, dư thừa và rớt giá nông sản.

4. Chủ động kêu gọi nhiều hơn các doanh nghiệp vào đầu tư liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản thông qua việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư; nắm bắt những khó khăn vướng mắc để có những giải pháp chỉ đạo kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết

nôi doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, đẩy mạnh xây dựng chuỗi giá trị; kết nối các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Kịp thời nắm bắt thông tin, nhu cầu của doanh nghiệp và nông dân, từ cơ sở đến tỉnh xây dựng hệ thống trao đổi thông tin nông nghiệp để kết nối với các tỉnh và các đơn vị của Trung ương nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc.

5. Tìm kiếm, nghiên cứu, chuyển giao nhanh và đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, các giải pháp khoa học công nghệ mới, tiên tiến để phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh, chú trọng tăng tỷ lệ sử dụng giống tiến bộ, có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị hiếu, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Tăng cường sự kết nối, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm nông sản an toàn có xác nhận, nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; xác định cụ thể địa phương, đối tượng có khả năng thực hiện để tổ chức sản xuất.

6. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Công thương và các địa phương tập trung xây dựng thương hiệu một số loại nông sản như gạo hữu cơ Thanh Hóa, cam vàng xứ Thanh, quế Thanh Hóa, bò thịt chất lượng cao xứ Thanh,...; xây dựng và tạo lập nhãn hiệu tập thể các sản phẩm như mía, khoai tây, dưa, gà, lợn ... để tạo thương hiệu trên thị trường.

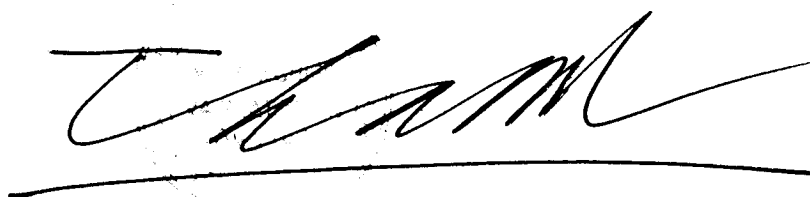
7. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm hoặc đề nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, tạo thuận lợi tối đa việc cấp phép và chấp thuận chủ trương đầu tư cho các doanh nghiệp vào sản xuất nông nghiệp và bao tiêu nông sản; thực hiện nghiêm túc 3 không trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường năng lực tiếp cận, kêu gọi doanh nghiệp; đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả cho cán bộ chuyên ngành và nông dân nhằm tăng cường khả năng dự báo thị trường, xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất, ứng dụng kỹ thuật phù hợp.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo HĐND tỉnh./

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Các Đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT-TT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Mai Nhữ Thắng**